

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. LIÊN CHIỀU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 8 năm 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**

2. Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham
gia phiên tòa: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị D**, sinh năm 1991; Địa chỉ: K282 Nguyễn Văn C, tổ 20 phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Đức D**, sinh năm 1990; Địa chỉ: K282 Nguyễn Văn C, tổ 20 phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị D** xác nhận bà và ông **Phạm Đức D** kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại địa chỉ K282 Nguyễn Văn C, tổ 20 phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do thiếu hụt về kinh tế, bất đồng quan điểm sống nên hay vợ chồng rất hay cãi vã với nhau, ông D thường hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, chửi, đánh đập và xúc phạm bà nhiều lần. Mặc dù đã cố gắng hòa giải, khuyên nhủ ông D rất nhiều nhưng vẫn không được. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, bà D đưa con về sống tại nhà ba mẹ ruột. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đức D.

- Về con chung: Bà Võ Thị D xác nhận bà và ông Phạm Đức D có 02 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016.

Ly hôn bà Võ Thị D có nguyện vọng bà sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị D xác nhận vợ chồng không có.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị D xác nhận vợ chồng không có.

* *Bị đơn – ông Phạm Đức D*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lên lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Đức D vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống bà D và ông D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu địa phương không nắm rõ. Về con chung thì bà D và ông D có 02 con chung tên là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016..

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia quá trình tố tụng là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Đức D.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà Võ Thị D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà Võ Thị D ly hôn với ông Phạm Đức D; Về con chung giao 02 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng/02 con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Võ Thị D xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Đức D, xét thấy yêu cầu của bà D là tự nguyện, đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Phạm Đức D có cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Đức D vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Đức D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Phạm Đức D kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, rất hay cãi vã với nhau, ông D thường hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, chửi, đánh đập và xúc phạm bà D nhiều lần. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn của vợ chồng bà D và ông D là có thật. Nay bà D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn đối với ông D. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc

dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Đức D đều vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà D. Điều này thể hiện ông D không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị D đối với ông Phạm Đức D.

[2.2] *Về con chung*: Bà Võ Thị D và ông Phạm Đức D có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng/02 con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Võ Thị D xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Đức D. Xét yêu cầu của bà D là tự nguyện, do đó HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, cháu Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao 02 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, ông Phạm Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Võ Thị D xác định không có và ông Phạm Đức D cũng không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Võ Thị D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Võ Thị D đối với ông Phạm Đức D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D – Sinh năm 1991 được ly hôn ông Phạm Đức D – sinh năm 1990.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125/2013, ngày 26/11/2013 của UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 24/4/2014 và Phạm Đức T, sinh ngày 13/02/2016 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, ông Phạm Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000911 ngày 21/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Chi Nguyễn Thị Thanh Bình Trần Nguyễn Thi Thi

